

Bản án số: 03/2023/HS-PT

Ngày: 12-01-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử P thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thư

Các thẩm phán:

Ông Nguyễn Viết Hùng

Ông Phạm Tiến Hiệp

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên Tòa:** Bà Đàm Thị Vang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 và 12 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử P thẩm vụ án hình sự thụ lý số 79/2022/HSPT ngày 23 tháng 8 năm 2022 đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Hoài P

Do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Hoài P đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2022/HS-ST ngày 18/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước.

1. Nguyễn Anh T, sinh năm: 2000, tại tỉnh Bình Phước; tên gọi khác: Không; nơi ĐKKHTT: Khu phố 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con Nguyễn Văn U và bà Đặng Thị L; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 26/01/2021, bị Công an thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng theo Quyết định số 174/QĐ-XPHC về hành vi đánh bạc. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/01/2021 đến ngày 13/01/2021 và từ ngày 14/6/2021 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa

2. Nguyễn Hoài P (tên gọi khác: Nhóc), sinh năm 2000, tại tỉnh Vĩnh Long; nơi ĐKKHTT và chỗ ở: Tổ 5, ấp 2, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm vườn; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Sam B (đã chết) và bà

Nguyễn Thị U; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/01/2021 đến ngày 13/01/2021 được tại ngoại và bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Anh T:*

Luật sư **Lê Thị L** - Công ty Luật Việt Việt thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương (có mặt)

Địa chỉ: Số 334, khu phố 2, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoài P:*

Luật sư **Hồ Phương B** - Công ty Luật TNHH Bình An thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Phước (có mặt)

Địa chỉ: Số 648A, quốc lộ 14, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh **Lê Hoàng T1**, sinh ngày 17 tháng 10 năm 2003 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 14, ấp 12, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

2. Bà **Nguyễn Thị Kim H**, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Tổ 14, ấp 12, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

(Bà Nguyễn Thị Kim H là đại diện cho anh Lê Hoàng T1) (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. Anh **Nguyễn Tuấn Đ**, sinh năm: 1998 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước.

4. Bà **Đặng Thị L**, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Tổ 9, khu phố T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước.

Người làm chứng:

1. Anh **Nguyễn Tấn V**, sinh năm 1997 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước.

2. Anh **Vũ Thành S**, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Sóc Ruộng, xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

3. Anh **Nguyễn Công Trường G**, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 3, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

4. Anh **Đỗ Hữu T2**, sinh năm: 1988 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

5. Anh **Đặng Công K**, sinh năm: 2000 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 9, khu phố Trung Lợi, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước.

6. Anh **Nguyễn Văn H1**, sinh năm: 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 3, ấp 1, xã Thành Tâm, huyện C, tỉnh Bình Phước.

7. Anh **Đỗ Danh T3**, sinh năm: 2000 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 8, khu phố 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Ông Đào Văn H, Giám định viên Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Anh T và Nguyễn Hoài P có mối quan hệ quen biết nhau. Do cần tiền tiêu xài nên T nghĩ đến việc chơi đánh bạc dưới hình thức ghi số đề, thấy người chơi khó thắng. Do đó, T đứng ra nhận ghi số đề của những người có nhu cầu muốn ghi số đề. Ngày 31/12/2020, T mượn điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu vàng đồng của Lê Hoàng T1, sinh năm 2003, nơi cư trú: Khu phố 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước (là bạn của T) để đăng nhập tài khoản messenger tên “nguyenAnhT” nhắn tin vào tài khoản messenger tên “HoàngP” của P, nói T có trang mạng sử dụng để đánh bạc dưới hình thức cá độ đá bóng và ghi số đề. T nói P biết nếu tham gia đánh bạc dưới hình thức ghi số đề với T thì sau 3 ngày mới tính tiền thắng thua một lần thì P đồng ý. T nói P biết cách tính điểm và tiền thắng thua như sau: Đối với hình thức ghi số đề: sử dụng kết quả xổ số miền Nam 1000 điểm tương đương với số tiền là 14.000.000 đồng, tỷ lệ 1000 điểm, thắng 70.000.000 đồng; sử dụng kết quả xổ số miền Bắc 1000 điểm tương đương với số tiền là 22.000.000 đồng, tỷ lệ 1.000 điểm, thắng 73.000.000 đồng.

Chiều ngày 01/01/2021, P mượn điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro của anh trai P là Nguyễn Tuấn Đ, sinh năm 1998, nơi cư trú: ấp 2, xã M, huyện C đăng nhập tài khoản messenger để nhắn tin qua tài khoản messenger của T ghi số đề con số “01” và con số “10” bao lô sử dụng kết quả xổ số của các công ty xổ số Bình Dương, Trà Vinh và Vĩnh Long mỗi số là 500 điểm. Tổng điểm đánh đề của số “01” và “10” là 3.000 điểm tương đương số tiền là 42.000.000 đồng. Kết quả xổ số P không trúng nên thua T 42.000.000 đồng. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, với hình thức như trên P tiếp tục ghi số đề con số “38” và con số “83” bao lô miền Bắc, sử dụng kết quả xổ số của Công ty xổ số kiến thiết Hải Phòng mỗi con số là 1.000 điểm. Tổng là 2.000 điểm, tương đương 44.000.000 đồng. T đồng ý và nhắn “ok” lại cho P. Kết quả xổ số công ty xổ số kiến thiết Hải Phòng không có số của P đã ghi, vì vậy P tiếp tục thua T số tiền 44.000.000 đồng.

Tối ngày 02/01/2021, P nhắn tin qua tài khoản messenger của T ghi số đề con số “12” bao lô miền Bắc, sử dụng kết quả xổ số của Công ty xổ số kiến thiết Nam Định với số điểm là 1.000 điểm tương đương số tiền là 22.000.000 đồng thì T đồng ý và nhắn “ok” lại cho P. Kết quả xổ số công ty xổ số kiến thiết Nam Định có 01 lô có số “12” nên P thắng được số tiền 73.000.000 đồng. P và T tính tiền đã nợ đánh đề với nhau, trước đó P nợ T 86.000.000 đồng cộng với tiền đánh đề ngày 02/01/2021 là 22.000.000 đồng, do P thắng được số tiền 73.000.000 đồng nên P còn nợ T số tiền đánh bạc 35.000.000 đồng.

Tối ngày 03/01/2021, P tiếp tục nhắn tin qua tài khoản messenger của T đánh bao lô con số “52” với số điểm là 2.000 điểm tương đương 44.000.000 đồng và con số “92” với số điểm là 1.000 điểm, tương đương số tiền là 22.000.000 đồng sử dụng kết quả xổ số của Công ty xổ số kiến thiết Thái Bình thì T đồng ý và nhắn “ok bạn” lại cho P. Kết quả xổ số Công ty xổ số kiến thiết Thái Bình có

02 lô có con số “52” nên P thắng đánh bạc số tiền 292.000.000 đồng. P trừ số tiền đánh bạc với T đã nợ trước đó là 35.000.000 đồng và tiền đánh bạc ngày 03/01/2021 là 66.000.000 đồng thì P thắng T số tiền đánh bạc 191.000.000 đồng. P nhắn tin qua tài khoản messenger của T thông báo cho T biết P đã thắng đánh bạc. T biết P thắng đánh bạc số tiền lớn nên đã thu hồi tin nhắn “ok bạn” trên điện thoại để từ chối trách nhiệm trả số tiền P thắng đánh bạc và nói không đồng ý nhận ghi số đề của P. Khoảng 08 giờ ngày 04/01/2021, P và T gặp nhau tại quán nước tại khu phố 4, thị trấn C, huyện C thì xảy ra mâu thuẫn về tiền ghi số đề ngày 03/01/2021. Lúc này, có anh Nguyễn Tấn V, sinh năm 1997, nơi cư trú ấp 2, xã M, huyện C và anh Vũ Thành S, sinh năm 1987, nơi cư trú: ấp S, xã T, huyện H chứng kiến sự việc nên đã đến Công an thị trấn C trình báo (BL 01-02; 79-86; 89-92; 121-147; 151-168; 169-176; 177-187).

Ngày 02/6/2021, Tòa án nhân dân huyện C mở phiên tòa hình sự sơ thẩm đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, bị cáo T cho rằng T không phạm tội, quá trình điều tra T bị cán bộ Công an thị trấn C và Điều tra viên Nguyễn Đức Á đánh và ép cung. Đồng thời T khai do Lê Hoàng T1 hứa hẹn cho gia đình của T số tiền 600.000.000 đồng và nhờ T nhận tội thay nên T nhận tội thay T1. T cung cấp các đoạn file ghi âm nói chuyện qua điện thoại giữa T và T1. Do đó, ngày 02/6/2021, Tòa án nhân dân huyện C ra Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 07 để làm rõ tài liệu, chứng cứ mới và các nội dung bị can T khai tại phiên tòa. Ngày 03/6/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện C ra Quyết định trả hồ sơ vụ án để điều tra bổ sung là rõ: Có hay không việc bị cáo T khai nhận hành vi phạm tội do bị cán bộ Công an thị trấn C và Điều tra viên Nguyễn Đức Á đánh đập, ép cung, mớm cung và nhận tội thay cho T1. Làm rõ vai trò của T1 trong vụ án (BL 238-247; 249).

Ngày 10/9/2021, Tòa án nhân dân huyện C ra Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 09 để làm rõ những đoạn ghi âm do bị can Nguyễn Anh T có bị cắt dán, chỉnh sửa hay không; nội dung những lời thoại trong các đoạn ghi âm liên quan thế nào đến vụ án; anh Lê Hoàng T1 có vai trò liên quan gì trong vụ án.

Ngày 13/9/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện C ra Quyết định trả hồ sơ vụ án để điều tra bổ sung để giám định 03 đoạn ghi âm, ghi lại lời đối thoại giữa Nguyễn Anh T với Lê Hoàng T1 và Nguyễn Anh T với bà Nguyễn Thị Kim H có bị cắt dán, chỉnh sửa hay không.

Việc thu giữ đồ vật tài liệu và xử lý vật chứng:

Tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus, màu vàng đồng, số Imel: 355839087057495. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của Lê Hoàng T1, khi cho T mượn điện thoại, T1 không biết bị can T sử dụng làm phương tiện để đánh bạc. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trả lại Lê Hoàng T1 (BL 111-118).

Tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu trắng, số Imel 1: 353906109384017, số Imel 2: 353906109243759. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của Nguyễn Tuấn Đ, khi giao P mượn điện thoại, Đ không biết bị can P sử dụng làm phương tiện để đánh bạc. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trả lại Nguyễn Tuấn Đ (BL 111-119).

Tạm giữ của bà Đặng Thị L: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, màu trắng, bị vỡ màn hình đã được niêm phong, bị cáo T và bà L sử dụng để ghi âm cuộc nói chuyện giữa T với T1 và giữa T với bà Nguyễn Thị Kim H (mẹ của T1) (BL 269a).

Thu giữ 01 dữ liệu điện tử (USB nhãn hiệu Apacer usb 31, màu trắng-xanh) bên trong chứa 03 đoạn ghi âm, ghi lại lời đối thoại giữa Nguyễn Anh T và Lê Hoàng T1, Nguyễn Anh T với bà Nguyễn Thị Kim H (kèm theo hồ sơ vụ án) (BL 273-275).

Biện pháp tư pháp:

Bị cáo Nguyễn Hoài P đã giao nộp số tiền 4.000.000 đồng/174.000.000 đồng tiền sử dụng để đánh bạc (BL 197).

Bị cáo Nguyễn Anh T đã giao nộp số tiền 7.000.000 đồng/365.000.000 đồng tiền sử dụng để đánh bạc (BL 217).

Bản cáo trạng số: 138/Ctr-VKS ngày 29/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước truy tố: Bị cáo Nguyễn Anh T và Nguyễn Hoài P về tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2022/HS-ST ngày 18/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước tuyên xử:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Anh T, Nguyễn Hoài P phạm tội “Đánh bạc”.

2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các điều 17; 38; 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài P 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 04/01/2021 đến ngày 13/01/2021.

3. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm g, khoản 1 Điều 52; các điều 17; 38; 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh T 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/6/2021, được khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 04/01/2021 đến ngày 13/01/2021.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 18/7/2022 bị cáo Nguyễn Anh T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C đề nghị Tòa án tuyên vô tội

Ngày 28/7/2022 bị cáo Nguyễn Hoài P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Nguyễn Anh T, Nguyễn Hoài P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của mình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phát biểu:

+ Xét nội dung kháng cáo đề nghị tuyên bị cáo Nguyễn Anh T vô tội, thấy rằng: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và xét đơn kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Anh T thấy rằng, cấp sơ thẩm xét xử và tuyên bố bị

cáo Nguyễn Anh T phạm tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ bởi lẽ:

- Theo bản kết luận giám định, vật chứng thu giữ đã thể hiện tài khoản facebook “NguyenAnh T” là của Nguyễn Anh T và tài khoản “HoàngP” của Nguyễn Hoài P đã thực hiện hành vi đánh đề vào các ngày 01,02,03/01/2021 thắng thua bằng tiền, P đã thắng tiền đánh đề nhưng T không chung tiền thắng bạc cho P dẫn đến xảy ra mâu thuẫn xô sát nên Vũ Thành S đã trình báo Công an để giải quyết.

- Theo lời khai của bị cáo Nguyễn Hoài P, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lê Thanh T1, nhân chứng Nguyễn Tấn V, Vũ Thành S, Nguyễn Công Trường G, Đỗ Danh T3 đều thể hiện khi xảy ra mâu thuẫn cãi nhau tranh chấp giữa T và P, nguyên nhân là do T chưa trả lời tin nhắn “ok” (là đồng ý) đánh số đề với P vào ngày 03/01/2021 nên T không trả tiền (T chung tiền thắng bạc cho P), còn P khẳng định là T đã trả lời “Ok” (đồng ý nhận P đánh đề). Đồng thời, theo phụ lục tin nhắn đến, tin nhắn đi trên điện thoại của P đã thể hiện facebook (Messenger) của T và P có đánh bạc ăn tiền cùng nhau. Lời khai nhận tội trong quá trình điều tra của bị cáo T từ ngày 04/01/2021 đến 13/5/2021 bị cáo T đều thừa nhận hành vi đánh bạc của mình thông qua 02 bản tự khai và 02 bản T2 trình tại Công an thị trấn C, 5 bản tự khai với Cơ quan điều tra. 01 bản tự khai khi làm việc với Viện kiểm sát. 03 biên bản lấy lời khai trong đó có 01 biên bản lấy lời khai có kiểm sát viên tham gia. 03 biên bản hỏi cung thì bị cáo đều thừa nhận hành vi đánh bạc của mình với Nguyễn Hoài P.

- Ngày 29/12/2020, Nguyễn Anh T bị Công an thị trấn C thu giữ điện thoại về hành vi đánh bạc và bị xử lý hành chính. Khi bị thu giữ điện thoại thì T thường xuyên mượn điện thoại của T1 để lên facebook. Facebook của T có mật khẩu sử dụng. Theo lời khai của Nguyễn Tấn V, Lê Hoàng T1, Đặng Công K, Đỗ Danh T3 thì T ở phòng trọ cùng T1, V và thường xuyên mượn điện thoại T1. Tại phiên tòa sơ thẩm K khai “*T1 và T xài chung điện thoại. T và T1 ở chung phòng trọ nên xài chung*”. Vì vậy, việc facebook của T nhắn tin nhận đánh đề với P qua facebook thì cho thấy T sử dụng facebook của T nhắn tin cho P để đánh đề. Việc T khai tại phiên Tòa từ thời gian từ ngày 01/01/2021 đến ngày 04/01/2021 không mượn điện thoại của T1 và chỉ đăng nhập facebook ngày 27/12/2020 và không đăng xuất là không có căn cứ.

- T cho rằng nhận thay cho T1 vì T1 hứa cho bố mẹ T mỗi người 300.000.000 đồng. Lúc T1 hứa là lúc ở Công an thị trấn C vào hoàn cảnh T1 đứng ngoài cửa sổ nói vào khi T đang ngồi trong phòng làm việc. Tuy nhiên qua làm việc từ đầu thể hiện là khi về Công an thị trấn C thì T và T1 mỗi người làm việc một phòng không tiếp xúc với nhau. Hơn nữa, ngoài lời khai của T ra thì không có chứng cứ chứng minh việc T1 hứa cho T 600.000.000 đồng để T nhận thay cho T1. Bên cạnh đó T1 cũng không thừa nhận nội dung như bị cáo T đã khai.

- Theo nội dung đơn kêu oan của bị cáo T cho rằng bị cáo bị ép cung, dùng nhục hình nên khai theo ý của cán bộ Công an. Tuy nhiên, theo biên bản làm việc với người được phân công làm việc với bị cáo (Phó trưởng Công an thị

trần Công Nguyễn Đức Tuân; Công an thị trấn C Hoàng Văn Quân; Tổng Hữu Thắng Công an thị trấn C và bản giải trình của Công an thị trấn C do Trưởng Công an thị trấn Lê Hoàng Hùng; ĐTV Nguyễn Đức Ân; Hoàng Đức Khiết thì từ khi làm việc tại Công an thị trấn C đến Cơ quan điều tra cho thấy T không bị ép cung, dùng nhục hình. Cũng như tại phiên tòa sơ thẩm qua xét hỏi thể hiện bị cáo khai nhận là từ đầu bị cáo nhân tội thay cho T1 nhưng sau đó T1 không đưa tiền nên bị cáo muốn khai ra bị cáo bị oan. Điều này cho thấy quá trình điều tra không có việc ép cung, mớm cung, dùng nhục hình

- Theo lời khai của Nguyễn Tấn V, Đỗ Danh T3, Lê Hoàng T1 thể hiện bị cáo T và P nhắn tin qua lại với nhau và T nhận ghi đề cho P. P cũng khẳng định P đánh đề với T là *nghe giọng nói là biết T nhưng vì liên quan tiền bạc nên tôi gọi lại bằng video “có hình ảnh” và xác nhận đó là T*. Tại phiên tòa sơ thẩm T khai nhận: *facebook bị cáo có sử dụng mật khẩu*. Ngoài ra bị cáo T còn khai báo quanh co như T khai không quen biết P nhưng khi Tòa hỏi “*Bị cáo khai bị cáo không biết P thì sao lại biết P và T1 đã gặp nhau, đánh bài với nhau. Bị cáo không trả lời.*”. Khi Hội đồng xét xử hỏi về hành vi phạm tội bị cáo nhận tội trước đây thì bị cáo khai bị mớm cung, ép cung nên khai vậy. Tuy nhiên qua đối chất tại phiên tòa cũng như quá trình xác minh thì không có việc bị cáo T bị ép cung, mớm cung. Không có chứng cứ chứng minh việc Lê Hoàng T1 hứa đưa 600.000.000 đồng cho bố mẹ T nhưng T1 không đưa nên bị cáo T khai T1 đánh số đề với P. Điều này thể hiện việc bị cáo quanh co chối tội, gây khó khăn cho công tác giải quyết vụ án.

Phụ lục giám định (Phụ lục số 01, 02 kèm theo kết luận giám định số 10/2021/GĐ-KTS ngày 18/3/2021, Lời khai Nguyễn Anh T, lời khai của Đỗ Danh T3, bản tự khai Nguyễn Hoàng P thể hiện nội dung “tôi ngày 03/01/2021 T1 nghe điện thoại của Nguyễn Hoài P sau đó chuyển cho T nghe và hẹn gặp P. Sáng ngày 04/01/2021 theo lời khai và chứng kiến của Vũ Thành S, Lê Hoàng T1, Nguyễn Công Trường G, Đỗ Hữu Tường, Nguyễn Văn V, Nguyễn Hoài P thì P và T gặp nhau tại quán nước mía tại ngã tư C cự cãi nhau về việc đánh đề P đánh trúng lô đề nhưng T không trả tiền. Chứng tỏ thể hiện việc T có đánh bạc với P nên T mới hẹn P ra gặp T và P tìm T để đòi tiền thắng bạc vào tối ngày 03/01/2021 và sáng ngày 04/01/2021

Vì vậy đủ cơ sở xác định bị cáo Nguyễn Tuấn Anh phạm tội đánh bạc theo như bản án số 60/2022/HS-ST ngày 18/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện C đã tuyên. Do vậy nội dung kháng cáo của bị cáo Nguyễn Anh T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị tuyên vô tội là không có căn cứ chấp nhận.

+ Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Hoài P:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng xử phạt các bị cáo mức án 03 năm tù là phù hợp. Tại phiên tòa bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào khác so với cấp sơ thẩm nên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo không có cơ sở chấp nhận

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tuyên không chấp nhận kháng cáo của

các bị cáo. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 60/2022/HS-ST ngày 18/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước.

- *Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Anh T:*

Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2022/HS-ST ngày 18/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước tuyên phạt bị cáo Nguyễn Anh T phạm tội đánh bạc là không đủ cơ sở, không đúng quy định pháp luật, vì các lý do sau:

Quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo Nguyễn Anh T thì Cơ quan Công an huyện C, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Tòa án nhân dân huyện C đã vi phạm nghiêm trọng trình tự thủ tục tố tụng. Về thời hạn điều tra, đây là vụ án thuộc trường hợp nghiêm trọng nhưng kéo dài 16 tháng, 29 ngày tính từ 12/1/2021 đến ngày 11/7/2022 là 16 tháng. Về trình tự, thủ tục bắt tạm giam bị can mẹ bị cáo cũng ở cùng bị cáo nhưng không tổng đạt cho mẹ bị cáo lại bắt tạm giam bị cáo. Về thời hạn tạm giam để điều tra, theo quy định về thời hạn tạm giam bị can để điều tra không quá 03 tháng đối với tội phạm nghiêm trọng, có thể được gia hạn tạm giam một lần không quá 02 tháng. Tổng thời gian tạm giam để điều tra hành vi là không 05 tháng. Tuy nhiên, thời gian mà bị cáo T bị tạm giữ và tạm giam đến nay là 15 tháng 5 ngày.

Về việc thu thập chứng cứ: Tin nhắn trong messenger “Nguyen Anh Tuan” và “Hoai Phuc” được cho là thu thập trong chiếc điện thoại iphone 7 plus màu vàng đồng của T1 và chiếc điện thoại iphone 11 promax của P. Tuy nhiên, sau khi thu thập chiếc điện thoại iphone 7 plus màu vàng đồng của T1 và chiếc điện thoại iphone 11 promax của P ngày 4/1/2021 thì không hề có biên bản nào thể hiện việc niêm phong 2 vật chứng quan trọng này. Đây là chứng cứ quan trọng trong vụ án nhưng Cơ quan điều tra không được thu thập theo đúng quy định và đã trả điện thoại cho người liên quan là vi phạm tố tụng và chứng cứ thu thập không hợp pháp. Vật chứng này có liên quan đến việc buộc tội bị cáo T nhưng cơ quan điều tra đã trả lại chiếc điện thoại iphone 7 plus màu vàng đồng cho T1 và chiếc điện thoại iphone 11 promax cho P là vi phạm tố tụng.

Có vi phạm liên quan đến việc thu thập hình ảnh tại bản ảnh số 1 và bản ảnh số 2 trong hồ sơ vụ án và kết luận giám định số 10 ngày 18/03/2021: Biên bản làm việc do Thẩm phán Vũ Đình K lập ngày 15/7/2022 với giám định viên ông Đào Văn H trong thời gian chờ nghị án. Bản kết luận giám định số 10 ngày 18/3/2021, lời khai của Giám định viên trình bày tại phiên tòa P thẩm khẳng định dựa vào 12 bản ảnh chụp được lưu giữ trong điện thoại của P để đưa ra kết luận giám định. Đồng thời, cũng trả lời rằng thời gian tin nhắn nằm trong phụ lục số 01, số 02 là được dựa trên dữ liệu được khôi phục nằm trong tin nhắn của 02 điện thoại.

Có vi phạm tố tụng trong quá trình điều tra, lấy lời khai của bị cáo Nguyễn Anh T: bị cáo Nguyễn Anh T có những tình tiết ngoại phạm đáng chú ý nhưng vẫn chưa được đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C làm rõ. Lời khai của bị

cáo T từ ngày 4/1/2021 đến ngày 2/6/2021; lời khai của bị cáo P từ 4/1/2021 đến nay; lời khai của ông T1; nội dung tin nhắn tại bút lục số 98, bút lục số 101 sẽ so sánh được điểm mâu thuẫn trong lời khai trong suốt quá trình điều tra.

Do đó, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử tạm hoãn phiên tòa để thu thập chứng cứ từ mạng viễn thông để có cơ sở buộc tội hoặc tuyên bị cáo không phạm tội và trả tự do cho bị cáo Nguyễn Anh T.

- Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoài P

Trong vụ án bị cáo T là người trực tiếp rủ rê P đánh bạc bằng hình thức ghi số, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, vai trò của bị cáo rất quan trọng, nếu không có lời khai của bị cáo thì khó làm rõ vụ án, bị cáo tích cực phối hợp với cơ quan tiến hành tố tụng nhưng cấp sơ thẩm chưa áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự “*Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án*” nên hình phạt mà Bản án sơ thẩm tuyên phạt có phần khắt khe với bị cáo P, bị cáo P có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo P mức hình phạt là 02 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Anh T, Nguyễn Hoài P được thực hiện trong thời hạn luật định, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại các điều 331, 332 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục P thẩm.

[2] Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ vào Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

Tại phiên tòa P thẩm Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Anh T yêu cầu triệu tập điều tra viên Nguyễn Đức Ân, Nguyễn Đức T Công an huyện C và giám định viên Đào Văn H Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa. Xét thấy tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành triệu tập điều tra viên Nguyễn Đức Ân, Nguyễn Đức T, hai điều tra viên đã có biên bản làm việc giải trình về nội dung ép cung, mớm cung (bút lục 342, 343, 451, 454) và tại phiên tòa sơ thẩm các điều tra viên cũng đã có mặt, do đó xét thấy việc triệu tập điều tra viên Nguyễn Đức Ân, Nguyễn Đức T là không cần thiết nên Tòa án không triệu tập. Đối với giám định viên Đào Văn Hiên có mặt tham gia phiên tòa.

[3] Về thủ tục tố tụng:

- Về thời hạn điều tra, bị cáo T bị truy tố theo khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự thuộc tội phạm nghiêm trọng, thời hạn điều tra là 03 tháng, có thể được gia hạn hai lần, lần thứ nhất không quá 03 tháng và lần thứ hai không quá 02 tháng. Ngày 02/6/2021, Tòa án nhân dân huyện C mở phiên tòa xét xử vụ án, đến ngày 03/6/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện C ban hành quyết định trả hồ sơ vụ án để điều tra bổ sung. Như vậy, thời hạn điều tra bổ sung Điều 174 Bộ luật Tố tụng hình sự thì thời hạn điều tra bổ sung không quá hai tháng và thời hạn tạm giam không quá thời hạn điều tra bổ sung, do đó cơ quan điều tra không vi phạm thời hạn điều tra.

- Về trình tự, thủ tục bắt tạm giam bị cáo T: Cơ quan điều tra đã có lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 03/6/2021 đối với bị cáo T, trong lệnh cấm có nêu rõ bị can chỉ được phép cư trú tại khu phố 4, thị trấn C, huyện C từ ngày 03/6/2021 đến ngày 03/7/2021, nếu chưa được sự đồng ý của chính quyền thị trấn C và chưa được phép của Cơ quan điều tra thì bị can không được đi khỏi nơi cư trú. Trong các ngày 06/06, 07/6 và 11/6/2021 Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại khu phố 4, thị trấn C, huyện C xác định bị cáo T không sinh sống tại địa phương (bút lục 335, 336, 337, 338). Mặc dù bị cáo có đăng ký hộ khẩu thường trú nhưng bị cáo không cư trú tại đây mà tự ý đi khỏi nơi cư trú khi chưa được phép của chính quyền địa phương và cơ quan điều tra. Do không thể xác định bị cáo bị cáo đang cư trú nên cơ quan điều tra đã bắt bị can để tạm giam bị can là có căn cứ.

- Việc thu thập chứng cứ trong hai chiếc điện thoại iphone 7 plus màu vàng đồng của T1 và chiếc điện thoại iphone 11 promax của P cơ quan điều tra đã có các biên bản tạm giữ đồ vật, biên bản kiểm tra điện thoại, biên bản niêm phong tại các bút lục (87- 92) trong hồ sơ vụ án nên việc thu thập tài liệu chứng cứ là hợp pháp.

- Việc bị cáo T cho rằng bị cáo bị cán bộ Công an thị trấn C và Điều tra viên Nguyễn Đức Ân đánh và ép cung nên quá trình điều tra bị cáo mới khai nhận tội, thấy rằng:

Khoảng 08 giờ ngày 04/01/2021, khi P và T gặp nhau tại quán nước và xảy ra mâu thuẫn về tiền đánh bạc ghi số đề có anh V, anh S biết và chứng kiến. Anh S thấy mâu thuẫn nên đến Công an thị trấn C, huyện C trình báo. Khoảng 09 giờ cùng ngày, Công an thị trấn C đến đưa P, T, T1 về trụ sở Công an thị trấn C làm việc. Khi làm việc tại Công an thị trấn C, T cho rằng T1 đứng bên ngoài cửa sổ phòng làm việc nói T nhận tội thay cho T1 và T1 hứa đưa cho bố mẹ của T số tiền 600.000.000 đồng nên T đã nhận tội thay cho T1. Hơn nữa, do T được ông Nguyễn Đức Tuấn phó trưởng Công an thị trấn C cho T xem 02 điện thoại để ghi thông nhất các nội dung tin nhắn nên T khai trùng khớp việc nhận ghi số đề. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm thông qua việc xét hỏi công khai tại phiên tòa xác định việc buổi làm việc tại Công an thị trấn C những người được đưa đến lấy lời khai có T, P, T1, S đề được bố trí làm việc tại bốn phòng làm việc khác nhau, riêng biệt, không ai được tiếp xúc với ai, và cũng không có ai đưa điện thoại cho bị cáo T xem do điện thoại lúc này đã bị thu giữ. Các lời khai của những người đến làm việc đều trùng khớp với nhau về việc không bị ép cung, ngoài lời khai của bị cáo T thì không có chứng cứ nào khác chứng minh cho việc bị cáo bị

ép cung dùng nhục hình để buộc bị cáo khai báo không tự nguyện nên không có việc cán bộ Công an thị trấn C đánh đập và ép cung, mớm cung bị cáo hay đưa điện thoại đã thu giữ cho bị cáo T xem (BL 269b-269c; 289-292; 297-299; 307-312).

Do đó, các hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều tuân thủ theo quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại phiên tòa P thẩm, bị cáo Nguyễn Anh T không thừa nhận hành vi nhận ghi số đề cho P, bị cáo cho rằng bị cáo không thực hiện việc ghi số đề cho P, những nội dung trao đổi tin nhắn trong điện thoại của T1 không phải do bị cáo thực hiện. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cho thấy việc bị cáo không nhận ghi số đề cho P là không có căn cứ, bởi lẽ:

- Về việc bị cáo T phủ nhận không quen biết với bị cáo P:

Theo lời khai của Đặng Công K (cậu của T) thì “*vì P đến nhà tôi nên T quen biết thân thiện với P, theo tôi biết thì T có nick facebook của P*” “*T thường xuyên vắng nhà và ở cùng với T1 mập*” (BL 449-450). Anh Nguyễn Tấn V là bạn của T, T1 và P khai rằng khoảng cuối tháng 12/2020 đến sáng ngày 04/01/2021 anh V sống chung phòng trọ với T và T1 nên biết việc T nhiều lần mượn điện thoại di động của T1 để sử dụng nhận ghi số đề với P, còn việc T và T1 có bàn bạc cùng ghi đề với P không thì anh V không biết (bút lục 314).

Lời khai của anh V, phù hợp với lời khai của T3, T1 về thời gian trước khi bị tạm giữ thì T đến xin ở cùng nhà trọ cùng anh V có mượn điện thoại của anh T1 để vào mạng xã hội facebook và phù hợp với lời khai của anh K là khoảng thời gian này T không ngủ ở nhà (bút lục 449-450). Mặt khác, theo lời khai của bị cáo P thì P khẳng định quen biết bị cáo T khoảng 02 năm, các bị cáo cho nhau “nick” mạng xã hội Facebook, thỉnh thoảng đi uống cà phê với nhau, liên lạc qua ứng dụng messenger (bút lục 242).

Lời khai của P phù hợp với lời khai của anh Đặng Công K là T và P quen nhau tại nhà của K, T và P có trao đổi nick facebook cho nhau (bút lục 450). Hơn nữa, theo lời khai của anh K ngày 04/01/2021 thì P đến tìm T tại nhà của T, sự việc bị cáo P đi tìm gặp T phù hợp với lời khai của bị cáo P, anh G, anh S (bút lục 170,444). Như vậy, có căn cứ xác định T và P có quen biết nhau trước khi phạm tội.

- Về việc ai là người nhận ghi số đề của P:

Những người làm chứng trong vụ án đều là những người bạn từng quen biết của bị cáo T, những người làm chứng không có mâu thuẫn gì với bị cáo T, nên việc những người làm chứng cung cấp những lời khai gây bất lợi cho bị cáo là không có cơ sở, do đó lời khai của những người làm chứng là khách quan và trùng khớp với nhau về việc bị cáo chính là người nhận ghi số đề với bị cáo P. Anh G, anh S tuy đều không quen biết T, chỉ đến ngày 04/01/2021 mới gặp T do P nhờ đi cùng để đòi tiền trúng đề nhưng trong quá trình điều tra cả anh G và anh S đều nhận dạng chính T là người trực tiếp nói chuyện và thừa nhận việc nhận ghi số đề với P.

Theo lời khai của anh S thì “Khi P gọi điện thoại qua tin nhắn facebook cho T, sau đó chuyển máy cho tôi nói chuyện giả danh là “T nhỏ” thì T nói không liên quan gì đến T nhỏ chỉ nhận ghi đề từ P thôi” (bút lục 170, 174). Theo lời khai của anh V (bạn của T) khẳng định T có kể cho anh V nghe về việc nhận lô đề của P “T nói với tôi việc T và P nhắn tin qua lại Facebook với nhau thì T nhận ghi đề cho P vì P hỏi T biết chỗ nào ghi đề để ghi đề dùm P. Tôi không nói gì và T cũng không nói thêm gì nữa.”.

Theo lời khai của anh T1 vào ngày 02/01/2021 thì T có rủ T1 cùng chung nhận đánh số đề của P, T có nói nếu thua thì T1 đưa tiền cho T đi Đà Lạt trốn và bắt tay T1. Nhưng T1 không đồng ý với T “Tôi hỏi anh T nay đánh đề nữa hả. Anh T trả lời “ừ” hùm với tao không bắt tay một cái. Tôi nói tôi không biết gì. T nói với tôi ăn thì chia thua thì mày cho tao tiền đi Đà Lạt trốn và tự nắm tay tôi lên để bắt tay. Tôi nói “tôi không chơi đâu” (bút lục 512).

Theo lời khai của Đỗ Danh T3 “Tối ngày 3/01/2021 tôi, T, T1 đi ăn đối diện dãy nhà trọ do anh V và T1 thuê, khoảng hơn 19 giờ tối sau khi ăn cơm xong, tôi không nhớ ai là người trả tiền cơm, Sau đó 03 chúng tôi đi bộ về phòng anh T1 và anh V. Theo tôi được biết thỉnh thoảng anh T có ngủ lại phòng của anh T1 và anh V. Tại phòng trọ của anh T1 và anh V thì ai đó gọi vào số máy của anh T1 (sau này tôi biết người gọi vào số máy của anh T1 là P...). Sau khi anh T1 nghe điện thoại thì chuyển cho anh T nghe và nói chuyện với người đó, nội dung thế nào thì tôi không nghe rõ...”

Theo lời khai của anh Nguyễn Tấn V sống chung phòng trọ với T và T1 nên biết được việc “T mượn điện thoại di động của T1 để sử dụng nhận ghi số đề với P, còn T và T1 có bàn bạc cùng ghi số đề với P không thì tôi không biết rõ”

Lời khai của S, V, T3, T1 phù hợp với lời khai của bị cáo P, xác định bị cáo T là người trực tiếp đánh bạc với mình vì khi thỏa thuận về việc chơi số đề, các bị cáo có gọi điện bằng hình ảnh cho nhau “Cách đây khoảng 01 Tuần thì có một người bạn tên T có nhắn tin facebook cho tôi nói rằng T có cầm trang mạng chơi đá banh, lô đề, hỏi tôi nếu có khách chơi thì chuyển qua cho T thì tôi sẽ được chia hoa hồng (tiền cắt lại mỗi khi có khách đánh. T còn nói với tôi được ghi thiếu trong 03 ngày với số tiền thiếu tối đa là 108.000.000 đồng. Tôi đồng ý với T.”. “Khoảng gần cuối tháng 01/2021 T có gọi điện thoại bằng “mesenger” ứng dụng của facebook nói rằng có ông anh mới về giao cho cái trang để ghi số đề, đá banh trên bạn có ai chơi thì đưa xuống tôi”. Lúc đó tôi nghe giọng nói là biết T nhưng vì liên quan tiền bạc nên tôi gọi lại bằng video “có hình ảnh” và xác nhận đó là T và T nói thêm “Cứ chơi đi ăn thua 03 ngày tính một lần” và sau đó hai bên thống nhất như vậy”.

Xét lời khai của những người làm chứng là anh S, anh G, anh V đều thống nhất nội dung vào sáng ngày 04/01/2021 trước sự chứng kiến của những người làm chứng thì T gặp P nói chuyện trao đổi về việc trả nợ số tiền lô đề. P hỏi T sao không trả tiền mình trúng tiền đề và lô thì T trả lời mình chưa nhấn “ok” đồng ý. Điều này mâu thuẫn với việc T khai không quen biết P, và nếu không nhận ghi số đề cho P thì T không thể nào biết rõ nội dung tin nhắn trao đổi giữa các bên còn nói cụ thể nội dung tin nhắn là mình chưa nhấn “ok” đồng ý. Về mặt nhận thức về các con số đề, các bản tự khai và biên bản lấy lời khai thể hiện rõ

việc bị cáo T khai báo cụ thể về thời gian, cách thức thỏa thuận tiền, con số đề, tiền nhận thầu đề với P, các lời khai này phù hợp với lời khai của bị cáo P. Như vậy bị cáo T hiểu rõ các con số đề và việc ghi đề thể hiện việc T có đánh bạc với P nên T mới hẹn P ra gặp T.

Theo bản kết luận giám định, vật chứng thu giữ đã thể hiện tài khoản facebook “NguyenAnh T” là của Nguyễn Anh T và tài khoản “HoàngP” là của Nguyễn Hoài P. Ngày 29/12/2020, Nguyễn Anh T bị Công an thị trấn C thu giữ điện thoại về hành vi đánh bạc và bị xử lý hành chính. Khi bị thu giữ điện thoại thì T thường xuyên mượn điện thoại của T1 để lên facebook. Facebook của T có cài mật khẩu sử dụng. Theo lời khai của Nguyễn Tấn V, Lê Hoàng T1, Đặng Công K, Đỗ Danh T3 thì T ở phòng trọ cùng T1, V thì T thường xuyên mượn điện thoại T1, trong đó V khai *“T thường xuyên đến phòng trọ của tôi và T1 chơi. Thời gian trước khi T bị bắt thì T chuyển đến sinh sống cùng tôi và T1 khoảng 3-4 ngày. Thời gian ở phòng trọ của tôi và T1 thì T không có công việc gì cả mà chỉ ở phòng trọ. Thời gian này, T thường xuyên mượn điện thoại của T1 để sử dụng vào facebook nhắn tin....T nói với tôi việc T và P nhắn tin qua lại facebook với nhau thì T nhận ghi đề cho P vì P hỏi T biết chỗ nào ghi đề để ghi đề dùm P. Tôi không nói gì và T cũng không nói thêm gì nữa.”*

Và K cậu ruột của T khai *“Vì P đến nhà tôi nên T quen biết thân thiện với P. Theo tôi biết thì T có nick facebook của P. Theo tôi biết T thường xuyên vắng nhà và ở cùng với Lê Hoàng T1. Tôi xin khẳng định trước ngày P và T bị bắt thì T không ngủ ở nhà vì nhà tôi và nhà T đang ở là liền kề với nhau.”*. Tại phiên tòa sơ thẩm K khai *“T1 và T xài chung điện thoại. T và T1 ở chung phòng trọ nên xài chung”*.

Đồng thời, theo phụ lục tin nhắn đến, tin nhắn đi trên điện thoại của P đã thể hiện facebook (Messenger) của T và P có đánh bạc ăn tiền cùng nhau. (ví dụ như câu tin nhắn đến trên điện thoại P *“Mà s thắng nào đó ok ngủ mới dậy luôn nè”, “bạn chụp tin nhắn ok gửi lại cho tui”,* Tin nhắn đi *“thì có mà tui chụp gửi đi hết chứ”, “đánh lớn mà”, mai tôi bóp họng nó”, “V là không được đâu bạn ơi, nó quỳnh lớn này b ok tui chụp gửi nó ok chấp nhận rồi. Giờ nói v đâu được”*.

Tại phiên tòa T khai nhận facebook bị cáo có sử dụng mật khẩu. Hơn nữa, bị cáo từng đăng tin trên facebook của mình thông báo về việc người khác sử dụng tài khoản của mình và nhắc mọi người chú ý rõ ràng bị cáo ý thức được rằng việc người khác sử dụng tài khoản của mình là nguy hiểm. T1 xác định *“sau khi trả điện thoại thì T đã thoát ra khỏi facebook của T (bút lục 325) như vậy mâu thuẫn với việc T cho rằng không biết vì sao facebook của T đăng nhập trên điện thoại của T1 (bút lục 323).* Ngoài ra, bị cáo T còn khai báo quanh co như: T khai không quen biết P nhưng khi Tòa hỏi *“Bị cáo khai bị cáo không biết P thì sao lại biết P và T1 đã gặp nhau, đánh bài với nhau. Bị cáo không trả lời.”* Như vậy việc bị cáo cho rằng không sử dụng điện thoại của T1 và chỉ đăng nhập facebook ngày 27/12/2020 và không đăng xuất, không nhắn tin và quen biết với P là không có căn cứ.

- Ngày 04/01/2021, khi P và T cãi nhau và anh S trình báo Công an thị trấn C đến giải quyết thì các anh V, T1, Khoẻ và ông Nguyễn Đức Tuấn – Phó Trưởng Công an thị trấn C đều xác định bị cáo T là người đang cầm điện thoại

của anh T1 trên tay (bút lục 314, 304, 450). Xét thấy lời khai của những người làm chứng V, T1, S, G chứng kiến việc T và P trao đổi nhận ghi số đề với P, phù hợp lời khai của bị cáo P khai nhận giữa P và T thỏa thuận sự việc đánh lô và việc bị cáo T không trả tiền trúng lô đề cho bị cáo P dẫn đến mâu thuẫn cãi nhau. Từ những lời khai cho thấy bị cáo T có tham gia đánh bạc với bị cáo P. Đồng thời, qua bản Phụ lục giám định (Phụ lục số 01, 02 kèm theo kết luận giám định số 10/2021/GĐ-KTS ngày 18/3/2021, Lời khai Nguyễn Anh T, lời khai của Đỗ Danh T3, bản tự khai Nguyễn Hoàng P thể hiện nội dung “tối ngày 03/01/2021 T1 nghe điện thoại của Nguyễn Hoài P sau đó chuyển cho T nghe và hẹn gặp P. Khi gặp P thì T 1, 2 là không có nhận số nên em đi về, đến lúc về đến nhà em mới nhớ tới em có chụp hình ảnh với những dòng tin nhắn bạn ấy chốt số em mới gọi nói bạn thì bạn cũng phủ nhận, 02 bên đôi co một lúc rồi gây gổ”. Sáng ngày 04/01/2021 theo lời khai và chứng kiến của Vũ Thành S, Lê Hoàng T1, Nguyễn Công Trường G, Đỗ Hữu T2, Nguyễn Văn V, Nguyễn Hoài P thì P và T gặp nhau tại quán nước mía tại ngã tư C cự cãi nhau về việc đánh đề P đánh trúng lô đề nhưng T không trả tiền

- Bị cáo T cho rằng bị cáo nhận tội là do anh Lê Hoàng T1 hứa hẹn cho bố mẹ bị cáo T số tiền 600.000.000 đồng để bị cáo nhận tội thay cho T1. Quá trình điều tra bị cáo T cung cấp cho Tòa án nhân dân huyện C 03 đoạn ghi âm do bị cáo T và mẹ là bà L chủ động ghi lại các cuộc hội thoại điện thoại của bị cáo T với T1 và mẹ của T1 là bà Nguyễn Thị Kim H để chứng minh việc bị cáo T nhận tội thay cho anh T1 do anh T1 hứa hẹn cho bố mẹ bị cáo T số tiền 600.000.000 đồng. Theo lời khai của bà Hà và T1 đều cho rằng không hứa hẹn cho gia đình T số tiền 600.000.000 đồng để T nhận tội thay cho T1, cuộc hội thoại giữa T và T1 là do T tự gọi điện thoại cho T1 nói T1 cùng phạm tội với T, do bà Hà nghĩ tình cảm con người với nhau, và T cũng là con của người bạn của bà Hà, bố T lại đang bệnh nằm ở bệnh viện nên nói sẽ giúp đỡ gia đình T chứ bà Hà không biết T1 và T có nhận ghi số đề với P không. Do đó, chỉ có lời khai của T về việc hứa hẹn nhận tội thay T1, ngoài ra không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh.

Ngoài ra, theo lời khai của T1 thì “*Luật sư nói T xin án treo, không treo được thì quấy tòa*”, “*Luật sư nói T làm giấy tâm thần và T sẽ đổ lỗi cho tôi, tôi sẽ đi tù*”, “*T nói tôi phải lo tiền trả luật sư, nếu không thì T và Luật sư sẽ đổ lỗi cho tôi để tôi đi tù*” (bút lục 304). P khai nghe bị cáo T nói là “*bây giờ tao hết đường rồi, Luật sư chỉ khai là bị điều tra viên Nguyễn Đức Á lấy lời khai có đánh đập và kêu oan, một là trắng án hai là nặng thêm*” (bút lục 291). Mặc dù P và T1 không quen biết nhau nhưng cả hai cùng khai có nội dung như trên, như vậy việc bị cáo T không thừa nhận hành vi phạm tội của mình là có ý đổ lỗi cho T1

- Về việc lời khai của bị cáo T từ ngày 04/01/2021 đến 13/5/2021 là thống nhất nhưng lại mâu thuẫn với lời khai tại bút lục số 101 (phụ lục đính kèm Bản kết luận giám định số 10/2021/GĐ-KTS ngày 18/03/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước.

Lời khai nhận tội trong quá trình điều tra của bị cáo T từ ngày 04/01/2021 đến 13/5/2021 bị cáo T đều thừa nhận hành vi đánh bạc của mình thông qua 02

bản tự khai và 02 bản tường trình tại Công an thị trấn C, 5 bản tự khai với Cơ quan điều tra, 01 bản tự khai khi làm việc với Viện kiểm sát, 03 biên bản lấy lời khai trong đó có 01 biên bản lấy lời khai có kiểm sát viên tham gia, 03 biên bản hỏi cung thì bị cáo T đều thừa nhận hành vi đánh bạc của mình với Nguyễn Hoài P.

Từ những phân tích và các chứng cứ nêu trên xét thấy: Theo Bản kết luận giám định, lời khai của bị cáo Nguyễn Hoài P, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lê Hoàng T1, các nhân chứng Nguyễn Tấn V, Đỗ Danh T3, Vũ Thành S, Nguyễn Công Trường G, Đặng Công K, Đỗ Hữu T2 cũng như lời khai của Nguyễn Anh T lúc nhận tội là phù hợp với nhau. Vì vậy, đủ cơ sở xác định bị cáo Nguyễn Anh T phạm tội đánh bạc theo như Bản án số 60/2022/HS-ST ngày 18/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện C đã tuyên. Do vậy, kháng cáo của bị cáo Nguyễn Anh T đề nghị tuyên bị cáo không phạm tội là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Hoài P, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đầu thú, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình có xác nhận của chính quyền địa phương. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét đầy đủ khi quyết định hình phạt đối với bị cáo nên mức án xử phạt bị cáo 03 (ba) năm tù là phù hợp, không nặng so với hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa P thẩm bị cáo không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác so với cấp sơ thẩm. Vì vậy, kháng cáo của bị cáo không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí đã được giải quyết tại bản án hình sự sơ thẩm số 60/2022/HS-ST ngày 18/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết lại.

[7] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận

[8] Quan điểm của Luật sư bào chữa cho các bị cáo không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[9] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;
Không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Anh T, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Hoài P.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2022/HS-ST ngày 18/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện C (nay là thị xã C), tỉnh Bình Phước.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Anh T, Nguyễn Hoài P (tên gọi khác: Nhóc) phạm tội “Đánh bạc”

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm g, khoản 1 Điều 52; các điều 17; 38; 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh T 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/6/2021, được khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 04/01/2021 đến ngày 13/01/2021.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các điều 17; 38; 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài P (tên gọi khác: N) 03(ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 04/01/2021 đến ngày 13/01/2021.

Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Anh T, Nguyễn Hoài P (tên gọi khác: N) mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2022/HS-ST ngày 18/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện C (nay là thị xã C), tỉnh Bình Phước có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước; (1)
- PV 06 CA tỉnh Bình Phước; (1)
- TAND, VKSND thị xã C; (4)
- Chi cục THADS thị xã C; (1)
- Công an thị xã C; (1)
- CQĐT Công an thị xã C (1)
- Cơ quan THAHS thị xã C (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước; (1)
- Trại Tạm giam CA tỉnh Bình Phước (1)
- Bị cáo; (2)
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu: hồ sơ vụ án (2); Tổ HCTP. (1)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thụ